

PHẬT THUYẾT KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT SỞ

Sa-môn Thiện Đạo, đời Đường tập ký

QUYỂN 3

Ý NGHĨA ĐỊNH THIỆN PHẦN CHÁNH TÔNG

Từ đây v.v... trở xuống là nói về phần Chánh tông, gồm có mười sáu mục, lại từng pháp đều có văn lược giảng, không cần phải chép trước.

Phần Chánh tông này, khác với các Đại sư khác, ở đây chỉ đi thẳng vào pháp định. Từ câu đầu tiên của pháp quán mặt trời v.v... trở xuống đến câu hạ phẩm hạ sinh là phần Chánh tông.

Từ quán mặt trời trở lên, có nhiều nghĩa khác nhau, xét thế văn đó, thì nên biết đó là phần tựa của kinh.

I. Y cứ vào pháp quán mặt trời đầu tiên:

Trước là nêu, kế là giải thích và sau đó là kết thúc, tất cả có năm phần.

1. Từ Phật bảo Vy-đề-hy v.v... trở xuống, cho đến tưởng cõi Tây Phương là phần khuyên bảo chung, ở đây nói Vy-đề-hy mong cầu được sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà và thưa hỏi Đức Phật phương pháp tu tập.

Bây giờ, Như lai hứa nói nhưng vì cơ duyên chưa đầy đủ, hiển hạnh cũng chưa hoàn toàn, do đó mà Đức Phật chỉ khai bày phương pháp tu nhân ba thứ phước, để những người chưa nghe có được lợi ích. Lại, Đức Như lai lại khuyến khích lưu thông, vì pháp này khó được nghe, khiến khai ngộ rộng khắp.

Nói Phật bảo Vy-đề-hy và chúng sinh, đoạn này Đức Phật khuyến khích, nếu các chúng sinh muốn ra khỏi trần lao, cầu được sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà, thì phải cố gắng.

Nói nên phải chuyên tâm v.v... trở xuống là chúng sinh tâm thường bị tán động, tâm thức ví như vượn chuyên cành, tâm thì trùm khắp cả sáu trần, chưa bao giờ dừng nghỉ, vì các cảnh duyên chẳng phải một nên

mắt vừa thấy liền khởi tham lam và loạn tưởng, làm sao an tâm trong tam-muội được? Tức tự mình phải buông bỏ các duyên, nương vào cảnh tịnh, rồi nối tiếp chú tâm, thẳng đến Tây phương, phân biệt với chín vực khác, chỉ còn lại một thân, một tâm, một hồi hướng, một xứ, một cảnh, một sự nối tiếp, một chỗ quay về, một chánh niệm, đó gọi là tưởng thành tựu, được chánh thọ, đời này đời sau tùy tâm giải thoát.

2. Từ làm sao quán tưởng v.v... trở xuống, cho đến đều thấy mặt trời lặn: nói lại về sở quán, ở đây nói các chúng sinh, từ lâu nay bị chìm đắm trong sinh tử, chưa có lúc nào được an ổn, Đức Thế tôn đã giới thiệu cảnh giới Tây phương, nhưng không biết tác ý như thế nào, do đó khiến Như lai phải hỏi lại để dứt trừ sự nghi chấp, để chỉ bày phương tiện tu tập chánh niệm.

Nói hễ thực hành quán tưởng là nói lại ý trên, để nói lên phương tiện nhập quán ở đoạn sau. Nói tất cả chúng sinh là nêu chung các loài được vãng sinh.

Nói tự chẳng phải mù bẩm sinh v.v... trở xuống là nói phân biệt các căn cơ có lãnh thọ được hay không. Nói mù bẩm sinh là sinh ra từ bào thai mẹ, thì mắt đã không thể nhìn thấy mọi vật, do đó mà gọi là mù bẩm sinh, những người này thì không thể dạy cho họ pháp quán mặt trời, vì họ không biết được hình dáng và ánh sáng của mặt trời. Ngoài những người mù bẩm sinh thì những người mù do gặp hoạn nạn thì nên dạy họ pháp quán mặt trời thì họ sẽ quán được thành tựu. Do mắt họ khi chưa bị bệnh, họ có biết được hình dáng và ánh sáng của mặt trời. Nay tuy mắt bị mù nhưng khéo léo khiến họ quán tưởng hình dạng mặt trời, nếu chánh niệm và giữ bền, không quản ngại thời gian, thì cũng được thành tựu.

Hỏi: Ở trên Vy-đê-hy nguyện muốn thấy được thế giới Cực lạc và khi Đức Như lai hứa khả tức là Đức Như lai dạy trước phải chú tâm quán mặt trời, là có ý gì?

Đáp: Đoạn này cũng có ba ý:

a. Đức Như lai muốn cho chúng sinh biết cảnh trụ tâm, chỉ ra phương hướng, không lấy hai thời Đông Hạ, chỉ lấy hai mùa Xuân Thu, vì đó là hai mùa mà mặt trời mọc từ hướng Đông và lặn đúng vào hướng Tây, cõi nước của Đức Phật A-di-đà cũng đúng về hướng mặt trời lặn, cứ ngay hướng Tây đó vượt qua mười muôn ức cõi Phật thì đó là thế giới Cực lạc.

b. Đức Phật muốn cho chúng sinh biết được nghiệp chướng của mình có nặng, có nhẹ, làm sao biết được? Vì Đức Như lai dạy cách trụ

tâm quán mặt trời, lúc đầu muốn trụ tâm, thì dạy ngồi kiết già ngay thẳng, chân phải xếp lên chân trái và phải bằng phẳng cả hai chân, bàn chân trái phải đặt lên vế phải, phải đồng đều cả hai chân, tay trái để chồng lên bàn tay phải, ngồi phải ngay thẳng, miệng ngậm, không được quá chặt, lưỡi để trên răng của hàm trên. Vì để như thế giúp cho cổ họng và mũi hít thở được thông. Lại quán thân bốn đại trong ngoài đều không, hoàn toàn chẳng có một vật gì vì thân là địa đại, như da thịt gân cốt... tâm phải quán tưởng, hướng về Tây phương, tận mé Tây phương, cho đến không thấy tướng một hạt bụi. Lại quán thủy đại trong thân, đó là các thứ như: máu huyết, mồ hôi, nước miếng nước dãi, tâm quán tưởng về phương Bắc, tận bờ mé của phương Bắc, cho đến không thấy tướng một hạt bụi. Lại quán tướng hỏa đại của thân, tận bờ mé phương Nam, cho đến không thấy tướng một hạt bụi, lại quán tướng không đại của thân, cái không đó và hư không trong mười phương hợp thành một mối, cho đến khi không thấy tướng bất không của một hạt bụi, lại quán tướng năm đại của thân đều là không, chỉ còn lại thức đại vắng lặng thường trụ, giống như một cái gương tròn, thấu suốt trong ngoài, sáng suốt thanh tịnh. Lúc quán tưởng như vậy, thì sẽ dứt trừ được tâm loạn tưởng, tâm tư dần dần sẽ được an định, sau đó dần dần sẽ chuyển tâm quán kỹ mặt trời.

Nếu người thuộc hạng lợi căn thì cứ mỗi lần ngồi thì sẽ thấy tướng sáng hiện ra trước mắt. Đương lúc tướng sáng xuất hiện, tướng đó hoặc như đồng tiền lớn, hoặc như cái gương soi mặt lớn, ở trên tướng sáng này sẽ tự thấy được tướng nghiệp chướng nặng nhẹ của mình:

Nếu là hắc chướng thì giống như áng mây đen che mặt trời.

Nếu là hoàng chướng thì sẽ giống như áng mây vàng che mặt trời.

Nếu là bạch chướng thì sẽ giống như áng mây trắng che mặt trời. Mặt trời này giống như bị mây che thì không thể chiếu sáng, nghiệp chướng chúng sinh cũng giống như thế, ngăn che cảnh của tâm thanh tịnh thì tâm không thể chiếu sáng. Nếu hành giả thấy được tướng này, thì phải nghiêm sức đạo tràng, tôn trí tượng Phật, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, lại đốt hương thơm để bạch lên Chư Phật, tất cả Hiền thánh, hướng về hình tượng Phật, sám hối các tội lỗi đã gây ra từ vô thủy đến nay, do thân, miệng và ý nghiệp đã gây ra tạo mười điều ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng, hoặc chê bai chánh pháp, hoặc gây ra tội xiển-đề... hết lòng khẩn thiết mong cầu sám hối, phải sinh tâm hết sức hổ thẹn thấu tận tim gan, khắc tâm tự trách mình.

Sám hối xong, lại ngồi như trước, an tâm quán cảnh, nếu khi cảnh hiện thì ba chướng trước dứt sạch, tịnh cảnh sở quán thanh tịnh sáng suốt, đó gọi là đốn diệt nghiệp chướng, nếu một lần sám hối mà dứt trừ hết nghiệp chướng thì gọi là hạng lợi căn, còn một lần sám chỉ trừ được hắc chướng, hoặc một lần sám thì trừ được Hoàng và Bạch chướng, hoặc một lần sám chỉ trừ được bạch chướng, thì gọi là tiệm trừ, không phải đốn diệt.

Đã tự biết nghiệp tướng như thế, thì tâm phải siêng năng sám hối. Ngày đêm phải ba lần hoặc sáu thời... chỉ nhớ được tức là sám hối, nếu được như thế thì đó là những bậc thượng căn thượng hạnh.

Thí như lửa đốt thân, vừa biết đốt thân thì phải phải ngay, đâu có đợi lúc, đợi chỗ, đợi duyên, đợi người mới phải?

c. Muốn cho chúng sinh biết được Y báo và Chánh báo của Đức Phật A-di-đà, các thứ trang nghiêm, ánh sáng chiếu soi... trong ngoài, rạng ngời hơn cả mặt trời trăm ngàn muôn lần. Nếu hành giả không biết được tướng ánh sáng của thế giới Cực lạc, thì quán tướng ánh sáng mặt trời này, hoặc đi, đứng, ngồi, nằm lễ bái, nhớ niệm, quán tưởng, thường phải hiểu như thế, trong một thời gian không lâu thì tâm sẽ định, thấy được các sự trang nghiêm vui sướng của thế giới Tịnh độ. Vì ý nghĩa như thế mà Đức Thế tôn trước là dạy quán tưởng mặt trời.

3. Từ nên khởi tưởng niệm v.v... trở xuống, cho đến hình dạng như cái trống treo, đây là dạy quán sát, ở đây nói về oai nghi của thân, mặt hướng về phương Tây, giữ cảnh trụ tâm, giữ chặt không dời đổi thì sẽ được cảm ứng.

4. Từ đã thấy mặt trời rồi v.v... trở xuống, cho đến rõ ràng là nói về tướng quán thành. Ở đây nói nêu tâm thấy mặt trời, dứt bỏ các tướng duyên, niệm niệm không dời đổi, thì tướng thanh tịnh sẽ tự hiện rõ ràng. Lại hành giả, khi bắt đầu được định mà thấy được mặt trời này, thì sẽ được lạc định của tam-muội, thân tâm trong ngoài đều được thấm nhuần, lúc đang nhìn thấy, thì nên khéo mà nhiếp tâm trong định, tâm không được buông lung tham cầu. Nếu khởi tâm tham thì nước tâm liền động, vì tâm khởi động mà tịnh cảnh liền bị mất, hoặc mờ tối, hoặc đen, hoặc xanh vàng, đỏ, trắng... không được an định. Khi thấy các việc này thì phải tự nghĩ rằng: “Các cảnh tướng này điều động bất an, tất cả đều do tâm tham của ta động niệm, làm cho cảnh tịnh bị diệt mất, tức là tự mình phải an tâm chánh niệm, trở lại khởi từ gốc, tướng động liền dứt, tâm định lại hiện.” Đã biết lỗi lầm như thế, thì không được khởi tâm tham tăng thượng. Các quán dưới đây, tà, chánh, được mất, tất cả cũng

đồng như trên. Quán mặt trời thấy mặt trời, tâm cảnh tương ứng, gọi chính là quán, nếu quán mặt trời mà không nhìn thấy mặt trời, mà thấy toàn cảnh tạp... tâm cảnh không tương ứng, đó gọi là Tà, đây là nhà tối Ta-bà, gặp việc gì cũng không thể so sánh, chỉ có mặt trời chiếu sáng, giá tư tưởng xa nêu ở Cực lạc.

5. Từ đó v.v... trở xuống là phần tổng kết.

II. Phân nói về quán nước:

Trước cũng nêu, kế là phân biệt, sau cùng là phần tổng kết, cũng có sáu đoạn:

1. Từ kế là tưởng nước v.v... trở xuống cho đến trong ngoài soi suốt lẫn nhau là nêu chung về thể của đất.

Hỏi: Trên dạy về quán mặt trời, là để biết được nghiệp tướng... cho nên khiến quán mặt trời, ở đây trong pháp quán này lại dạy về quán nước, vì sao phải quán nước?

Đáp: Mặt trời thường chiếu, là biểu tượng cho cảnh giới Cực lạc, là cảnh giới sáng mãi, lại sợ mặt đất ở cõi ấy không được bằng phẳng, giống như sự cao thấp của cõi uế này, nhưng vì cõi Ta-bà như một ngôi nhà tối, chỉ có mặt trời mới chiếu sáng và Ta-bà cũng quá nhiều hầm hố, khắp nơi đều có sự chênh lệch, muốn tìm chỗ bằng phẳng thì chỉ có mặt nước, mới có thể gọi là tướng bằng phẳng, hướng chi đất ở Cực lạc là bằng lưu ly.

Lại hỏi: Nước ở thế giới này, vừa ướt lại vừa mềm, nước ở Cực lạc có giống như nước ở cõi này chăng?

Đáp: Mặt nước bằng phẳng ở thế giới này, so với mặt nước ở thế giới Cực lạc bằng phẳng không có cao thấp.

Lại khi nước đóng thành băng, thì cũng như đất bằng lưu ly của cõi Cực lạc, trong ngoài đều thấy thấu suốt, đó là nói lên sự tu tập chân chánh nhiều kiếp của Đức Phật A-di-đà, chánh và tập đều mất, do đó mà chiếu suốt cả địa luân.

Lại hỏi: Đức Thế tôn đã dạy tưởng nước để trụ tâm, chuyển nước thành băng, rồi chuyển băng thành đất lưu ly, vậy thì phải thực hành phương pháp như thế nào để giúp cho cảnh đó hiện khởi?

Đáp: Nếu trụ vào oai nghi của thân thì cũng giống như pháp quán mặt trời ở trước. Lại muốn quán nước để làm cho tâm được định, lại nên đối với cảnh tướng tự mà quán, tức là dễ được định, các hành giả tu tập, nên ở chỗ yên tĩnh, đặt một bát nước đầy trên mặt đất ngay trước giường ngồi, mình ngồi ngay thẳng trên giường, đặt một vật màu trắng lớn như hạt đậu vào giữa hai đầu chân mày, cúi đầu xuống thì mặt chạm vào

bát nước, nhất tâm nhìn vào điểm trắng đó, không có duyên khác, khi mình quán mặt mình trong đó, nếu không thấy bóng của mặt, thì cứ tiếp tục quán, dần dần mặt mình sẽ hiện. Lúc đầu tướng của mặt không trụ, lúc dài lúc ngắn, lúc rộng lúc hẹp, khi thấy, khi không thấy lúc tướng đó hiện, thì nên khéo léo cẩn thận dụng tâm, không bao lâu nước lăn tăn, dường như động mà không động, tướng mặt dần dần được hiện rõ, tuy thấy trên mặt của mình có: Mắt, tai, mũi, miệng... lúc đó cũng chưa nên đắc ý và cũng không nên ngại, chỉ để cho thoải mái thân tâm, biết có nhưng đừng chấp, chỉ quán rõ ràng điểm trắng, giữ gìn chánh niệm, chờ để thất ý theo duyên khác. Lúc thấy được cảnh này, tâm dần dần được an trụ, như tánh lóng lạng của nước. Lại các hành giả muốn biết sóng nước trong tâm tư không trụ thì chỉ quán tướng động hay không động của nước này. Liền biết tâm mình cảnh hiện hay không hiện, sáng hay tối. Lại đợi đến lúc nước yên lặng, dùng tay ném một hạt gạo, vào trong bát nước, nếu có sóng thì biết nước động, nước sẽ rung động trong bát, rồi nhìn thẳng vào bát nước, nếu thấy trắng thì động, lại ném hạt đậu vào, thì sóng nước lại lớn hơn, điểm trắng ở trên mặt hoặc thấy hoặc không thấy, cho đến ném quả táo vào bát nước, khiến sóng càng rung chuyển mạnh, điểm trắng ở trên mặt và đầu mặt của tự thân, hoàn toàn biến mất không hiển hiện, giống như nước động.

Nói bát là dụ cho thân khí, nói nước là dụ cho nước của tự tâm, nói sóng lăn tăn là dụ cho phiền não loạn tưởng. Nói dần dần những gợn sóng dứt là xả bỏ các duyên, mà trụ tâm vào một cảnh. Nói nước yên cảnh hiện, tức là tâm năng duyên không bị loạn động và cảnh sở duyên cũng không động, trong ngoài vắng lặng không còn lo sợ, tướng sở cầu hiển hiện.

Lại tướng tế và tướng thô, nước tâm liền động, nước tâm đã động, thì cảnh tĩnh liền mất, lại từ trần tế cho đến trần thô đều ném vào nước yên tĩnh, thì sóng của nước lập tức sẽ động. Lại, các hành giả chỉ nhìn tướng của nước này có động hay không động, thì sẽ biết được tự tâm có chú hay không chú. Cảnh hiện có mất hay không, tà hay chánh... cũng đồng với pháp quán mặt trời ở trước. Ngài Thiên Thân có khen rằng: “Quán tướng thế giới kia, hơn quán ba cõi, rõ ràng như hư không, mé rộng lớn vô biên, đây là nói chung về phần lượng của đất ở thế giới Cực lạc.”

2. Từ ở dưới có Kim cương bảy báu v.v... trở xuống cho đến không thể thấy hết là phần nói về sự trang nghiêm ở dưới đất, đoạn này cũng có bảy phần:

- a. Nói thể tướng của kho báu đều là Kim cương vô lậu.
 b. Nói tướng nâng mặt đất hiện lên ánh sáng trang nghiêm.
 c. Nói tướng vuông vức chứ không phải tướng tròn.
 d. Nói thế giới Cực lạc do một trăm chất báu hợp thành, số lượng nhiều như cát bụi.
 e. Nói vật báu xuất ra nhiều ánh sáng mà ánh sáng đó chiếu soi không có bờ mé.
 f. Nói ánh sáng có rất nhiều màu sắc khác nhau, màu sắc đó chiếu vào các phương khác, tùy căn cơ mà biến hiện, lúc nào cũng mang lại lợi ích.
 g. Nói các trạng thái của ánh sáng, ánh sáng hơn cả ánh sáng mặt trời, khi chúng sinh nào mới được vãng sinh về Cực lạc thì khó thể thấy hết ánh sáng đó.

Có bài tán rằng:

*Dưới đất trang nghiêm cột bảy báu
 Vô lượng, vô biên vô số ức
 Tám phương tám mặt bằng trăm báu
 Thấy Vô sinh kia tự nhiên ngộ
 Nước báu Vô sinh mãi là thường
 Mỗi dòng báu vô số tia sáng
 Hành giả để tâm thường trông thấy
 Thần thức hơn hở nhập Tây phương.*

Lại có bài tán rằng:

*Tây phương vui vắng lặng, vô vi
 Rốt ráo tiêu dao, lìa hữu vô
 Đại Bi huân tâm, đạo pháp giới
 Phân thân lợi vật đẳng không khác.
 Hoặc hiện thân thông mà nói pháp,
 Hoặc hiện tướng tốt nhập vô dư,
 Biến hiện trang nghiêm tùy theo ý
 Chúng sinh trông thấy tội đều trừ.*

Lại có bài tán rằng:

*Về đi thôi, cõi ma không thể dừng
 Nhiều kiếp nay trôi lặn
 Sáu đường đều trải qua
 Đến chỗ vui vô dư
 Chỉ nghe tiếng sầu than
 Sau khi bỏ thân này*

Nhập thành Niết-bàn kia.

3. Từ trên đất lưu ly v.v... trở xuống, cho đến giới hạn rõ ràng là nói về sự trang nghiêm trên mặt đất, là rất tốt đẹp. Ở đây nói về nương giữ viên tịnh, rừng ao báu báu... thuộc về năng y, đất báu lưu ly thuộc về sở y, đất là năng trì, ao báu, lầu đài và cây cối là sở trì, tất cả có được như vậy là nhờ vào nhân hạnh của Phật A-di-đà. Do sự tu tập đó mà cảm ứng được quả báo tròn đầy sáng suốt, ý nghĩa của sáng suốt thanh tịnh là lấy vô lậu làm thể.

Có bài tán rằng:

*Đất báu trang nghiêm không gì bằng
Nơi nơi sáng sủa chiếu mười phương
Gác báu đài hoa đều đầy khắp
Nhiều màu lung linh khó thể lường
Mây báu lộng báu che hư không
Thánh chúng thân thông qua lại nhau
Cờ báu phướn lộng bay theo gió
Nhạc báu ánh sáng ứng niệm về
Mang hoặc nghi sinh hoa không nở
Chấp tay lung linh dụ trong thai
Nội thọ pháp lạc không chút khổ
Chướng hết, khoảnh khắc hoa tự nở
Tai mắt sáng suốt thân vàng ròng
Bồ-tát từ từ trao y báu
Sáng chiếu thân được thành ba nhãn
Liên muốn thấy Phật duỗi dài vàng
Bạn pháp đón rước nhập đại hội
Ngước nhìn tôn nhan khen lành thay!*

Nói dây bằng vàng v.v... trở xuống là nói về đường đi bằng vàng, hình dạng giống như một sợi dây bằng vàng. Nếu đất bằng nhiều thứ quý báu, thì con đường bằng lưu ly, nếu đất bằng lưu ly, thì con đường bằng ngọc trắng, nếu đất bằng vàng tím, bạc trắng thì đường bằng trăm báu, nếu đất bằng loại chất báu không thể sánh bằng thì đường bằng chất báu cũng không thể sánh bằng, nếu đất bằng ngàn muôn chất báu thì đường bằng hai, ba thứ chất báu, cứ như thế đan xen lẫn lộn với nhau, hợp nhau mà thành, chiếu soi lẫn nhau, hiển phát lẫn nhau, mỗi tia sáng, mỗi màu sắc đều không đồng nhau, mà không bị lẫn lộn, hành giả cũng chớ nói chỉ có con đường bằng vàng, chứ không có chất báu nào khác làm đường.

4. Từ trong mỗi chất báu có năm trăm tia sáng màu sắc v.v... trở xuống cho đến nhạc khí để làm trang nghiêm là nói về sự trang nghiêm trên hư không, đoạn này cũng có sáu:

- a. Chất báu phát ra nhiều tia sáng.
- b. Nói các ví dụ hiển bày tướng.
- c. Nói ánh sáng biến thành đài.
- d. Nói ánh sáng biến thành lầu gác.
- e. Nói ánh sáng biến thành tràng hoa.
- f. Nói ánh sáng biến thành âm nhạc vui vẻ.

Lại nói trên đất Cực lạc có nhiều chất báu, đan xen lẫn nhau, mỗi chất báu đều phát ra năm trăm tia sáng đủ màu sắc, mỗi tia sáng đều phóng lên hư không tạo thành một đài sáng, trong mỗi đài đó đều hiện ra ngàn muôn lầu báu. Mỗi lầu báu đều được trang nghiêm bằng một, hai, ba, bốn chất báu cho đến không thể nói hết chất báu.

Nói như hoa lại như trăng sao là Phật vì lòng Từ bi sợ người không biết, do đó mà Ngài phải dùng ví dụ để làm rõ thêm.

Nói hai bên đài đều có trăm ức tràng hoa là nói đất báu có vô lượng ánh sáng, mỗi tia sáng đều biến thành đài ánh sáng đầy khắp trên hư không, các hành giả đi đứng nằm ngồi thường quán tưởng như thế.

5. Từ tám thứ gió mát v.v... trở xuống, cho đến âm thanh vô ngã là nói ánh sáng biến thành các thứ âm nhạc, dần dần chuyển thành tướng nói pháp, ở đây được chia làm ba ý:

- a. Nói về tám thứ gió từ ánh sáng mà khởi.
- b. Cứ mỗi lần gió ánh sáng nổi lên, thì trống nhạc tự phát ra tiếng.
- c. Ánh sáng giảng nói về bốn Đảo, bốn Chân, các pháp nhiều như số cát sông Hằng.

Có bài tán rằng:

*Nước An lạc thanh tịnh
Thường xoay vô cấu luân
Nhất niệm và nhất thời
Lợi ích các chúng sinh
Khen công đức của Phật.
Không có tâm phân biệt
Giúp cho mau đầy đủ
Biển báu lớn công đức.*

6. Từ đó là v.v... trở xuống, là phần tổng kết.

III. Phần nói về địa tướng quán:

Cũng trước là nêu, kế là giải thích, sau là tổng kết, phần này cũng

có sáu đoạn.

1. Khi tướng này thành: Chính là nói kết trước sinh sau.

2. Từ nhất quán v.v... trở xuống cho đến không thể nói hết là nói về tướng pháp quán thành tựu, đoạn này cũng có sáu ý:

a. Nói tâm chỉ chú vào một cảnh, không được quán chung nhiều thứ.

b. Nói đã chuyên tâm vào một cảnh, thì cảnh liền hiện tiền, khi cảnh đã hiện tiền, thì sẽ được rõ ràng.

c. Nói khi cảnh đã hiện trong tâm thì đầu có nhắm mắt hay mở mắt cảnh đó cũng phải nắm giữ, đừng để mất.

d. Nói bốn oai nghi của thân ngày đêm thường nhớ nghĩ, chỉ trừ khi ngủ, nhớ giữ không bỏ.

e. Tâm định không dứt, thì thấy tướng Tịnh độ, đây gọi là cái thấy Tịnh độ trong tâm tưởng, vì vẫn còn giác tưởng.

f. Nói về tâm tưởng dần dần tiêu bớt, giác niệm được đốn trừ, chánh thọ tương ứng, chứng đắc tam-muội, thấy rõ được sự mầu nhiệm của thế giới Cực lạc. Cực lạc thì rộng lớn vô bờ mé và cột bấu không phải chỉ có một. Các thứ châu báu màu sắc chuyển biến càng nhiều, là để khuyên chúng sinh chuyên tâm, thường như đối với mặt trời.

3. Từ đây v.v... trở xuống là phần tổng kết.

4. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến nói pháp quán đất này là phần khuyến phát lưu thông, tùy duyên nói rộng ra cũng có bốn ý:

a. Nói về lời dặn bảo.

b. Khuyến khích giữ gìn lời Phật dạy, rộng vì đại chúng đời vị lai nói về sự lợi ích của quán đất ở trên.

c. Phân biệt căn cơ có khả năng thọ nhận, khả năng kính tin, là muốn cho chúng sinh xả bỏ thân sinh tử ở cõi Ta-bà này. Đối với tám khổ, năm khổ, ba đường ác... hễ nghe thì liền tin và thực hành, không tiếc thân mạng, phải nhanh chóng giảng nói cho chúng sinh nghe, chỉ cần có một người xả bỏ được khổ, vượt ra khỏi sinh tử, thì đó cũng gọi là đã báo ân đức của Phật. Vì sao? Vì Chư Phật ra đời phải dùng nhiều phương tiện để giáo hóa chúng sinh, không chỉ muốn khiến chúng sinh bỏ ác tu tập phước đức, để thọ quả báo vui thú trời, người, có khác gì ánh điện chớp, chỉ chốc lát sẽ mất ngay, rồi cũng trở vào ba đường ác vẫn chịu khổ mãi mãi.

Vì lý do đó mà Đức Phật chỉ khuyên chúng sinh cầu sinh về Tịnh độ, hưởng đến quả vị Bồ-đề Vô thượng. Nên hôm nay có nhân duyên

được Phật khuyến khích, những người phát nguyện muốn sinh về Tịnh độ, tức là đã đáp ứng được ý nguyện bản hoài của Chư Phật.

Nếu có người không ưa thích tín hạnh, như trong kinh Thanh Tịnh Giác chép: “Nếu có người nghe nói về pháp môn Tịnh độ, nghe mà như không nghe, thấy mà như không thấy, thì nên biết những người này mới ở trong ba đường ác ra, do tội chướng chưa hết, cho nên họ không có lòng tin đối với pháp môn Tịnh độ. Đức Phật chép: “Ta nói người này chưa thể giải thoát.”

Kinh này lại chép: “Nếu có người nghe nói pháp môn Tịnh độ, khi vừa nghe thì buồn vui lẫn lộn, khắp mình nổi ốc, nên biết những người này ở đời quá khứ họ đã từng tu tập pháp môn này, nay được nghe lại, thì liền sinh tâm vui mừng, chánh niệm tu hành, chắc chắn được vãng sinh.”

d. Đức Phật dạy quán về đất báu để trụ tâm.

5. Từ nếu quán đất này v.v... trở xuống, cho đến tâm được vô ngại, đoạn này nói về lợi ích của pháp tu quán, đoạn này cũng có bốn:

a. Đức Phật chỉ ra pháp, chỉ quán đất báu, không nói về cảnh khác.

b. Nói nhờ tu quán đất báu vô lậu mà trừ được tội lỗi hữu lậu trong nhiều kiếp.

c. Nói khi xả thân này sẽ vãng sinh về Tịnh độ.

d. Nói về tu nhân chánh niệm, không được nghi ngờ, tuy được vãng sinh nhưng phải ở trong hoa, tuy hoa chưa nở. Hoặc sinh vào biên giới, hoặc đọa vào thai cung, hoặc nhờ các vị Bồ-tát đại Bi nhập vào tam-muội khai hoa, nghi chướng được dứt trừ, cung hoa liền nở thân tướng được hiển bày, lúc đó sẽ được các bạn bè dắt đến hải hội của Đức Phật, bấy giờ chú tâm nhìn thấy đất báu, sẽ dứt trừ được tội chướng từ lâu đời, nghiệp của hạnh nguyện đã được viên thành. Đến khi qua đời không được nghi ngờ chẳng vãng sinh. Nay đã quán lợi ích cao quý này, lại khuyến khích phân biệt biết rõ tà và chánh.

6. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống là nói về phân biệt quán chánh tà. Nghĩa tà chánh đã nói trong phần quán mặt trời ở trước.

IV. Đây là phần quán cây báu.

Cũng trước là nêu, kế là nói, sau là kết. Phần này có mười đoạn.

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến kế là quán cây báu, đây là phần chính nói về sự dạy bảo, nêu chung về tên quán, để kết thúc phần trước mà bày đoạn sau.

2. Từ quán cây báu: là nhắc lại tên pháp quán. Nói quán từng cây

một v.v... trở xuống là quán tướng sau khi sinh, đây là phần nghi tắc chánh giáo, là nói về cõi nước của Đức Phật A-di-đà rộng lớn vô biên, không có bờ mé, cây báu rừng báu, vì sao lấy bảy hàng làm số lượng? Ở đây nói bảy lớp, hoặc có một cây, gốc bằng vàng ròng, thân bằng vàng tím, cành bằng bạc trắng, nhánh bằng mã não, lá bằng san hô, hoa bằng ngọc trắng, quả bằng trân châu. Bảy lớp như vậy, làm gốc làm thân lẫn nhau, cho đến hoa quả... bảy lần bảy là bốn mươi chín lớp, hoặc có cây bằng một chất báu, hoặc có cây bằng một hoặc hai, ba, bốn cho đến trăm ngàn muôn ức không thể kể hết chất báu. Nghĩa này trong Kinh Di-đà đã có nói rộng, nên gọi là bảy lớp.

Nói “Hàng” thì ở cõi Cực lạc, cây rừng tuy nhiều, nhưng mọc theo từng hàng thẳng tắp, không mọc lộn xộn.

Nói tướng, chưa rảnh để chân quán, tự tại tùy tâm, phải mượn giả tướng để trú tâm, mới được lợi ích.

3. Từ mãi mãi v.v... trở xuống, cho đến do-tuần là nói về thể lượng của cây, ở đây nói về các loại cây báu đều có ra từ tâm vô lậu của Đức Phật Di-đà, do tâm Phật vô lậu, nên các cây báu cũng vô lậu.

Có bài tán rằng:

*Chánh đạo đại Từ bi
Ra đời gốc lành sinh
Ánh sáng tịnh đầy đủ
Như gương, mặt trời, trăng.*

Nói lượng, là mỗi thân cây cao đến ba mươi hai muôn dặm, cũng không có già, chết cũng không phải từ nhỏ mọc lớn lên, hoàn toàn không có cây nhỏ, muốn lớn thì đồng thời tự lớn, số lượng đều bằng như nhau, nhưng vì sao được như vậy? Vì thế giới Cực lạc là cảnh giới vô lậu vô sinh, thì làm gì mà có sự sinh tử hay từ nhỏ dần dần lớn lên?

4. Từ các cây báu ấy v.v... trở xuống, cho đến để làm trang sức là nói các tướng khác nhau về tạp thọ, tạp nghiêm, tạp sức, đoạn này cũng có bốn:

a. Nói về rừng cây, hoa lá đan xen khác nhau.

b. Nói về mỗi thứ rễ thân, cành nhánh, hoa quả v.v... đều đầy đủ các chất báu.

c. Nói mỗi hoa, mỗi lá xen kẽ qua lại khác nhau, trong màu sắc lưu ly lưu phát ra ánh sáng sắc vàng, cứ thế xen lẫn với nhau.

d. Lại như dùng tất cả các chất báu mà tô điểm cây cối.

Lại có bài tán rằng:

Đủ các tánh châu báu

*Đầy đủ diệu trang nghiêm
Sáng vô cấu rực rỡ
Trong sáng chiếu thế gian.*

Lại có bài tán rằng:

*Cõi tịnh Di-đà, cây báu nhiều
Bốn mặt rũ cành
Y trời treo bay,
Mây báu thành lọng
Chim hóa hót vang
Xoay vùn trên không
Tấu pháp âm vào hội
Thánh chúng phương khác
Nghe tiếng mà mở tâm.
Bạc Nặng nhân cõi ấy,
Thấy thân mà được ngộ.*

5. Từ màn lưới châu báu nhiệm mầu v.v... trở xuống đến bậc thượng trong các sắc là phần nói về trên các thân cây đều hiện bày tướng trang nghiêm, đoạn này cũng có bảy ý:

a. Nói về màn lưới bằng ngọc giăng mắc trên hư không, phủ lên các thân cây.

b. Màn lưới có nhiều lớp.

c. Có ít nhiều cung điện.

d. Trong mỗi cung điện đều có rất nhiều đồng tử.

e. Các đồng tử đều có đeo châu ngọc, anh lạc.

f. Các thứ anh lạc phát ra ánh sáng chiếu khắp xa gần.

g. Ánh sáng đó còn hơn diệu sắc.

6. Từ các rừng cây này v.v... trở xuống, cho đến có quả báu là nói các cây cối tuy nhiều mà không lộn xộn, lúc hoa báu nở, không phải từ trong cây xuất ra mà là do nhân duyên sâu xa của ngài Pháp Tạng, giúp cho tự nhiên mà có.

7. Từ mỗi lá cây v.v... trở xuống, cho đến mềm mại giữa các lá là nói về sắc tướng khác nhau giữa hoa và lá, đoạn này cũng có năm ý:

a. Nói cỡ lá đều bằng nhau không khác.

b. Nói lá cây phát ra bao nhiêu ánh sáng.

c. Sợ các chúng sinh nghi ngờ không hiểu nên Đức Phật phải mượn ví dụ để làm rõ. Như chuỗi anh lạc cõi trời v.v...

d. Nói lá có các hoa đẹp màu sắc như vàng cõi trời, hình dạng giống như vàng lửa.

e. Nói về hiển bày chiếu sáng lẫn nhau, mềm mại giữa các lá.

8. Từ sinh ra các quả v.v... trở xuống, cho đến cũng hiện trong đó là nói tướng của quả cây có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn, đoạn này cũng có năm ý:

a. Nói khi quả sinh thì tự nhiên hiện lên.

b. Dùng ví dụ để nói lên hình tướng của quả.

c. Quả có thân quang, hóa hiện phước lọng.

d. Nói các lọng báu tròn sáng, trong lọng báu hiện ra ba ngàn thế giới, Y báo và Chánh báo đều trang nghiêm, các thứ tướng hiện.

e. Các Tịnh độ ở mười phương đều xuất hiện trong lọng báu, trời, người ở cõi nước kia đều nhìn thấy. Lại, lượng của cây này càng cao thì mỗi bề càng rộng, hoa và quả rất nhiều, thân biến cũng vô số. Mỗi thân cây đã bao phủ khắp cả Cực lạc và trên các cây có rất nhiều quả, tất cả các cây đều có trái giống nhau. Nên biết, tất cả các hành giả trong lúc đi đứng ngồi nằm, đều khởi tâm tưởng niệm như thế.

9. Từ thấy cây này rồi v.v... trở xuống, cho đến rõ ràng là giải thích về tướng thành tựu của quán. Đoạn này cũng có ba ý:

a. Nói sự thành tựu sau khi quán.

b. Nói về thứ lớp quán tưởng, không được lẫn lộn.

c. Mỗi pháp phải khởi tâm trụ vào cảnh, trước là quán gốc cây, kế là quán cành nhánh của cây cho đến hoa lá và kế là quán tướng màn lưới và cung điện tiếp là quán các thứ anh lạc và các đồng tử, kế là quán tướng về số lá, hoa, quả, ánh sáng, rồi quán tướng phước lọng, hiện nhiều các Phật sự, cứ như thế mỗi thứ lần lượt quán tưởng, đều phải cho rõ ràng.

10. Từ đó là v.v... trở xuống là phần tổng kết, đây là các cây báu thường phát ra ánh sáng, cùng các màn lưới bao phủ trên cung điện giữa hư không. Hoa có rất nhiều màu sắc, quả thì hiện bày cõi nước.

V. Nói về quán ao báu.

Cũng trước nêu, kế phân biệt và sau cùng là tổng kết. Phần này cũng có bảy đoạn:

1. Từ kế là nêu tướng nước v.v... trở xuống, là nêu chung tên pháp quán, tức là nêu phần trước để sinh khởi phần sau. Đoạn này nói cây báu tuy tinh tướng nhưng nếu không có ao nước, thì cũng chưa gọi là tốt: một là thế giới bất không; hai là y báo trang nghiêm, vì hai ý nghĩa này, do đó mà phải quán ao nước này.

2. Từ cõi nước Cực lạc là đoạn nói về số ao và nói về xuất xứ. Đoạn này cũng có năm ý:

- a. Nêu lên cội nước để sanh về.
- b. Trong ao có tám tên gọi khác nhau.
- c. Trên mỗi bờ ao đều có bảy chất báu hợp thành, do ánh sáng báu chiếu soi, nước tám công đức đều đồng một màu sắc của nhiều chất báu, do đó mà gọi là nước báu.
- d. Nói về thể tánh, các loại báu đều mềm dịu.
- e. Nói về nước của tám ao, đều theo ý muốn của mình mà chảy ra, tức gọi là nước như ý. Nước này có tám công đức:
 - Thanh tịnh thấm nhuần thuộc về sắc nhập.
 - Không hôi, thuộc về hương nhập.
 - Nhẹ.
 - Mát lạnh.
 - Mềm mại, thuộc về xúc nhập.
 - Ngon, thuộc về vị nhập.
 - Khi uống xong thân tâm sáng khoái.
 - Khi uống vào thân không bị các thứ bệnh, thuộc về pháp nhập.

Ý nghĩa của tám công đức này là trong Di-đà nghĩa có nói rộng. Lại có bài tán rằng:

*Cực lạc trang nghiêm nước An Dưỡng
 Ao báu tám đức chảy đầy khắp.
 Bốn bờ chiếu sáng bảy chất báu.
 Màu nước rạng ngời soi ánh sáng.
 Thể tánh mềm mại không cứng ngắt.
 Bồ-tát từ hành rải hương báu.
 Hương báu mây báu thành lọng báu.
 Lọng báu hư không phải cột báu.
 Cột báu trang nghiêm cung điện báu.
 Điện báu linh báu lưới châu buông.
 Lưới báu nhạc báu ngàn lớp chuyển.
 Tùy cơ khen ngợi cung lầu báu
 Mỗi mỗi cung lầu có Phật hội.
 Hàng sa Thánh chúng ngời tư lương.
 Mong ai có duyên thường nhớ nghĩ
 Qua đời đồng sinh pháp đường kia.*

3. Từ chia thành mười bốn nhánh v.v... trở xuống, cho đến cát dưới đáy là nước chia thành nhiều dòng, nhưng không bao giờ lẫn lộn, đoạn này cũng có ba nghĩa:

- a. Nói có bao nhiêu ao.
- b. Bờ ao đều bằng vàng ròng.
- c. Cát dưới đáy ao đều bằng các thứ báu.

Nói Kim cương, tức là thể vô lậu.

4. Từ trong mỗi ao nước v.v... trở xuống, cho đến theo cây mà lên xuống là nói về công dụng của nước là không thể tính kể, đoạn này cũng có năm ý:

- a. Nói riêng về tên ao. Để nói lên tướng trang nghiêm của Cực lạc.
- b. Nói về các loại hoa quý trong ao.
- c. Nói về kích cỡ hoa.
- d. Các thứ nước ngọc ma-ni quý báu luôn chảy giữa các cánh hoa.
- e. Nước báu đó từ ao chảy ra, chảy đến các cây báu, lên xuống không bị chướng ngại, do đó mà gọi là nước như ý.

5. Từ âm thanh ấy hay ho v.v... trở xuống, cho đến Chư Phật tướng tốt là nói nước ao có công đức không thể nghĩ bàn, đoạn này cũng có hai ý:

a. Nước báu chảy xen giữa các cánh hoa quý, những gợn sóng khi xúc chạm vào hoa, liền phát ra âm thanh êm tai. Âm thanh đó đều giảng nói pháp mầu.

b. Nước đó chảy lên bờ, tìm đến các nhánh lá, hoa quả của cây, hoặc chảy lên, hoặc chảy xuống, giữa chừng xúc chạm nhau, đều phát ra âm thanh hay, trong âm thanh đó đều giảng nói pháp mầu, hoặc nói về sự khổ của chúng sinh, để giạt tỉnh và phát khởi lòng Từ bi của Bồ-tát, khuyến khích dẫn dắt người, hoặc nói về các pháp trời, người. Hoặc nói pháp Nhị thừa, hoặc nói các pháp bậc Địa tiền và Địa thượng, hoặc nói pháp ba thân của Phật địa.

6. Từ hạt châu như ý v.v... trở xuống, cho đến Niệm Phật, Pháp, Tăng: là đoạn nói ma-ni có rất nhiều thần đức, đoạn này cũng có bốn ý:

- a. Trong châu vương cũng phát ra ánh sáng vàng.
- b. Trong ánh sáng đó cũng biến hóa ra trăm ngàn loài chim quý.
- c. Âm thanh của các loài chim này phát ra, nhạc trời cũng không thể sánh bằng.

d. Các loài chim quý thường hát ra âm thanh. Các âm thanh đó đều khen ngợi Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Nhưng Đức Phật là đấng Đạo sư vô thượng của chúng sinh, là đấng trừ tà hướng chánh, pháp là

thuốc hay vô thượng của chúng sinh, pháp có công năng dứt trừ các bịnh độc phiền não, làm cho thân tâm được thanh tịnh, Tăng là ruộng phước vô thượng của chúng sinh, chỉ khiến chú tâm vào bốn việc không hề mệt nhọc.

e. Là y quả của năm thừa chỉ cần khởi niệm thì tự nhiên ứng hiện đến trong châu báu có khả năng sinh ra loại nước có tám vị, sau đó phát ra các thứ ánh sáng vàng, chẳng những xua tan sự tối tăm mà còn dẫn dắt người làm các Phật sự.

7. Từ đó là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

VI. Phần nói về quán lâu báu.

Cũng trước là nêu, kế là phân biệt, cuối cùng là tổng kết.

Phần này cũng có mười một đoạn.

1. Từ cõi nước bằng các thứ báu là nêu chung tên pháp quán, lập lại phần trước để khởi phần sau, đoạn này nói ở Tịnh độ tuy có thứ nước quý tươi tắn, nhưng nếu không có lâu báu cung điện thì cũng chưa phải khéo léo, vì có lâu báu cung điện nên y báo mới hoàn toàn đầy đủ trang nghiêm.

2. Nói trên mỗi cõi là nói về chỗ trụ của các lâu báu. Địa giới cùng khắp cõi nước Cực lạc, lâu báu cũng nhiều vô kể.

3. Nói có năm trăm ức, đây là nói về số lượng, trên một cõi đã như thế thì đồng khắp cõi nước cũng đều như thế, nên phải biết.

4. Từ trong lầu gác ấy v.v... trở xuống, cho đến trở kỹ nhạc trời là nói về sự trang nghiêm trong các lầu các cung điện.

5. Từ lại có nhạc khí v.v... trở xuống, cho đến không đánh tự kêu là nói về cảnh trang nghiêm ở bên ngoài lầu gác, tiếng nhạc hay, bay trên hư không, âm thanh phát ra nhiều bài nói pháp, ngày đêm sáu thời, như lộng báu trời, tự nhiên thành tựu các việc như thế.

6. Từ trong các âm thanh này v.v... trở xuống, cho đến niệm Tỳ-kheo Tăng, đoạn này nói nhạc tuy vô thức, nhưng cũng có khả năng nói pháp.

7. Từ tưởng này thành rồi v.v... trở xuống, cho đến ao báu, đây là nói về hiện tượng thành tựu của sự tu quán, ở đây cũng nói về sự chuyên tâm trụ vào cảnh, mong thấy được lâu báu, chuyên tâm chú ý không dời đổi, trên hư không tự nhiên hiện bày trang nghiêm.

8. Từ đó là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

9. Từ nếu thấy việc này là nhắc lại tưởng quán ở trước, sinh ra lợi ích ở sau.

10. Từ trừ vô lượng v.v... trở xuống, cho đến sinh về nước kia rồi là

đoạn nói về y theo pháp quán sát, để dứt trừ nghiệp chướng trong nhiều đời, thân khí được thanh tịnh, để thích ứng với bốn tâm của Phật, sau khi xả bỏ thân ô uế này sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc, không có gì nghi ngờ.

11. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến tà quán: Là phân biệt tướng quán tà, chánh.

VII. Nói về quán tòa hoa.

Cũng trước nêu, kể là phân biệt, sau là tổng kết, phần này cũng có chín đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến dứt trừ khổ não: Đức Phật nghe thỉnh và ngài hứa khả, đoạn này cũng có ba ý:

a. Sai bảo hai vị.

b. Đức Phật khuyên mọi người lắng nghe cho kỹ, rồi chánh niệm tu hành.

c. Đức Phật nói về pháp quán tòa hoa cho mọi người nghe. Mục đích là để giúp mọi người trụ tâm chuyên niệm, thì tội lỗi sẽ được dứt trừ.

2. Từ các vị nhớ giữ v.v... trở xuống, cho đến giải thích là phần lưu thông khuyến phát. Đoạn này nói về sự quan trọng của pháp quán, cứu giúp chúng sinh đang chìm đắm trong sinh tử, đang vọng ái mê tâm, đang trôi lăn trong sáu đường, các vị giữ gìn pháp quán này, bất cứ ở đâu cũng khuyên tu, đều được nghe biết, đồng được giải thoát.

3. Từ lúc nói lời ấy v.v... trở xuống cho đến không thể so sánh, đoạn này nói Đức Thích-ca là vị giáo chủ cõi Ta-bà này, vì thương chúng sinh mà ngài trú tướng Cực lạc Tây phương, để gặp Đức Từ Tôn Di-đà mong ngài biết sự tình của chúng sinh ở Ta-bà là như thế, tuy nhiên thân Ngài vẫn ở tại cõi Ta-bà, đây là hai Đức Thế tôn cảm ứng, khác nhau, ẩn hiện khác nhau, đó là do loại khí phác muôn ngàn khác nhau, cho nên làm khuôn mẫu lẫn nhau.

Nói lời ấy là ý của đoạn này cũng có bảy phần.

a. Khuyến khích hai vị.

b. Đức Di-đà vừa thỉnh liền hiện, để chứng minh cho chúng sinh được vãng sinh.

c. Đức Di-đà đang đứng trên hư không chỉ cần hướng tâm chánh niệm, nguyện sinh về cõi nước của Ngài thì liền được sinh về.

Hỏi: Đức của Phật tôn quý cao siêu, không thể xem thường, đã không bỏ bốn nguyện do tâm đại bi mà ứng hiện đến, vì sao không ngồi thẳng mà phó cơ?

Đáp: Ở đây Đức Như lai có mật ý riêng, Ngài đã nhìn thấy sự đau khổ của cảnh giới Ta-bà, chúng sinh đang sống trong nhiều việc bất thiện, tám thứ khổ đang thiêu đốt, việc làm trái ngược đối gạt người thân, xem thường sáu giác, rong ruổi theo hầm lửa ba ác, cứ muốn đi vào, nếu không nhanh chân đến cứu thì bị ràng buộc trong biển nghiệp, làm sao thoát ra được? Vì ý nghĩa đó nên Ngài dang tay cứu độ, không ngồi thẳng để phó cơ.

d. Ngài Quán Âm và Thế Chí là hai vị thị giả, nói lên không có chúng nào khác.

e. Thân tâm Ba vị đều thanh tịnh, ánh sáng chiếu soi nhiệm mầu.

f. Thân Phật ánh sáng chiếu rọi khắp cả mười phương, phạm phu cấu chướng làm sao nhìn thấy hết được?

g. Thân Phật là vô lậu, ánh sáng cũng như thế vàng của cõi trời hữu lậu làm sao so sánh được?

4. Từ bấy giờ, Vy-đề-hy thấy vô lượng v.v... trở xuống cho đến làm lễ, đoạn này nói Vy-đề-hy đúng là người phụ nữ phạm phu cấu uế, không thể nói hết, nhưng vì nhờ vào sự che chở của Thánh lực, lúc Đức Di-đà xuất hiện, vẫn được nhìn thấy và đánh lễ. Đây là lần đầu tiên thấy được cảnh Tịnh độ, vui vẻ không thể nào kể xiết, nay được nhìn thấy Đức Di-đà, thân tâm liền được khai ngộ Vô sinh nhẫn.

5. Từ bạch Phật rằng v.v... trở xuống cho đến và hai vị Bồ-tát là nói phu nhân đã mang ân Phật, Ngài đã vì chúng sinh mà giải bày mối nghi ngờ, do đó mà phát sinh câu hỏi, ở đây là nói ý phu nhân, nay Đức Phật hiện tại, mong Đức Thế tôn che chở, để được thấy Phật A-di-đà, vậy sau khi Phật diệt độ, chúng sinh làm sao thấy được Phật Di-đà?

6. Từ chúng sinh vị lai v.v... trở xuống, cho đến và hai vị Bồ-tát là nói phu nhân vì chúng sinh mà thưa hỏi, giúp cho mọi người đều được thấy Đức Phật A-di-đà.

7. Từ Phật bảo Vy-đề-hy v.v... trở xuống, cho đến nên khởi tưởng niệm, đây là lời tổng kết Đức Phật hứa nói.

Hỏi: Phu nhân do thưa hỏi vì chúng sinh, cho đến Đức Như lai hứa khả là chỉ cho Vy-đề-hy, không chỉ chung cho chúng sinh phải không?

Đáp: Đức Phật đích thân đến giáo hóa nói pháp vì để hợp với căn cơ chúng sinh. Nếu Vy-đề-hy không thưa hỏi, thì Ngài cũng tự nói đâu luận gì chỉ riêng mà không bình đẳng, nhưng vì văn lược cho nên không nói.

8. Từ trên ao bảy báu v.v... trở xuống, cho đến tưởng hoa, ở đây ý nói Đức Phật dạy phương tiện về tu quán.

Hỏi: Chúng sinh đui mù tối tăm, chạy theo vọng tưởng, càng thêm mệt nhọc, cảnh trước mắt không thấy, lại như đi trong đêm tối, cảnh Tịnh độ thì quá xa, thì làm sao đạt đến được?

Đáp: Vì chúng sinh đang bị chướng hoặc, động niệm luống tự, mệt nhưng nhờ vào năng lực của bậc Thánh che chở từ xa nên khiến chúng sinh khi tu quán sẽ được nhìn thấy, vì sao lại bảo tác pháp trụ tâm để cho được thấy? Vì các hành giả muốn tác pháp ấy, thì trước phải sám hối, trước tượng Phật dốc lòng sám hối, phát lộ những tội lỗi mà mình đã gây ra, phải hết lòng hổ thẹn, khẩn cầu rơi lệ. Sám hối xong, thì tâm nghĩ miệng nói kính thỉnh Đức Thích-ca và vô lượng Chư Phật trong các thế giới ở mười phương, niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và lập thệ nguyện rằng: “Hôm nay, đệ tử tên... pháp danh... do mê muội mà gây ra nhiều tội lỗi, nghiệp chướng quá sâu dày, nguyện Phật Từ bi nhiếp thọ che chở, chỉ giáo khai ngộ, cảnh giới mà con đang quán tưởng nguyện được thành tựu, nay đốn xả thân mạng, kính mong Đức Di-đà, dầu có thấy được hay không thấy, đều được ân lực của Ngài dắt dẫn.” Nói những lời ấy xong, lại dốc lòng sám hối, xong thì đi đến chỗ yên tĩnh, hướng mặt về Tây phương, ngồi kiết già ngay thẳng và thực hành pháp trước.

Khi đã trụ tâm rồi, từ từ chuyển tâm quán tưởng niệm đất báu ở Cực lạc và các tạp sắc rõ ràng, khi mới quán tưởng không được quán tưởng nhiều cảnh, nếu quán tưởng nhiều cảnh thì sẽ không được định, chỉ quán trong một thước vuông, hoặc quán một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm, sáu, bảy ngày, hoặc một tháng, một năm, hai, ba năm... không kể ngày đêm, đi đứng nằm ngồi, thân miệng ý nghiệp phải luôn sống trong định, buông bỏ mọi việc, phải giống như người ngu si cầm điếu thất ý, thì định này mới dễ dàng chứng được. Nếu không thực hành như vậy, thì ba nghiệp sẽ tùy duyên mà chuyển, định tưởng bay nhảy theo sóng, dầu có sống đến ngàn năm, mắt pháp cũng không bao giờ khai mở.

Nếu lúc tâm được định thì trước có tướng sáng xuất hiện, hoặc trước nhìn thấy được ao báu, các thứ rõ ràng bất tư nghị của Cực lạc... thấy cũng có hai loại:

a. Do tưởng mà thấy là vì vẫn còn tri giác nên tuy thấy được cảnh Tịnh độ, nhưng chưa được rõ ràng.

b. Hoặc nội ngoại giác diệt, tức nhập vào tam-muội Chánh thọ, cảnh Tịnh độ trông thấy này chẳng phải tưởng thấy mà so sánh được.

9. Từ khiến hoa sen ấy v.v... trở xuống đến tám muôn bốn ngàn tia

sáng: nói hoa báu có nhiều thứ trang nghiêm, đoạn này cũng có ba:

- a. Mỗi hoa lá đều đầy đủ các màu sắc quý báu.
- b. Mỗi lá đều có nhiều đường gân báu.
- c. Mỗi đường gân có nhiều tia sáng màu sắc.

Đây là để cho hành giả trụ tâm, quán tưởng từng thứ một, tức là giúp cho tâm và mắt đều được nhìn thấy. Khi thấy hoa và lá rồi, thì kế là quán tưởng các thứ báu xen kẽ giữa các lá và kế là quán tưởng chất báu phát ra nhiều ánh sáng. Ánh sáng đó tạo thành lọng báu, kế là quán tưởng đài hoa, trên đài có rất nhiều và lưới châu ngọc... kế là quán tưởng trên đài đó có bốn cây cột báu, kế là quán tưởng trên cột có man báu, kế là quán tưởng trên màn đó có các thứ ngọc châu, ánh sáng nhiều màu trùm khắp hư không, mỗi chất báu đều hiện ra nhiều hình ảnh lạ, như thế lần lượt, mỗi thứ trụ tâm bất xả. Không bao lâu, thì tâm sẽ được định, khi tâm đã định thì các thứ trang nghiêm ở Cực lạc đều hiển hiện, nên biết như thế.

10. Từ rõ ràng v.v... trở xuống là nói về tướng thành tựu của sự tu quán.

11. Từ cánh hoa nhỏ v.v... trở xuống, cho đến trùm khắp trên mặt đất là nói mỗi lá đều có các thứ trang nghiêm, đoạn này cũng có sáu ý.

- a. Các lá đều có lớn nhỏ.
- b. Có bao nhiêu Hoa lá.
- c. Các châu ngọc xen kẽ giữa bao nhiêu lá.
- d. Ngọc minh châu có một ngàn tia sáng.
- e. Mỗi tia sáng của ngọc châu đều biến thành lọng báu.
- f. Trên lọng báu chiếu đến hư không, dưới thì chiếu phủ cả đất

báu.

12. Từ Thích-ca tỳ-lăng-già v.v... trở xuống cho đến để trang sức là nói về tướng trang nghiêm trên đài.

13. Từ trên đài ấy v.v... trở xuống, cho đến châu báu nhiệm mầu để trang sức là nói về tướng trang nghiêm trên cột, đoạn này cũng có bốn ý:

- a. Trên đài tự nhiên có bốn cây cột.
- b. Thể lượng lớn nhỏ của cột.
- c. Trên cột tự có màn báu, hình tướng như cung trời.
- d. Trên cột từ có nhiều châu báu, ánh sáng chiếu soi để trang

sức.

14. Từ mỗi hạt châu báu v.v... trở xuống, cho đến thực hành Phật

sự là nói ánh sáng của ngọc châu có tướng đức dụng không thể nghĩ bàn, cũng có năm ý:

- a. Mỗi hạt ngọc đều có nhiều tia sáng.
- b. Mỗi tia sáng đều có nhiều màu sắc khác nhau.
- c. Mỗi màu sắc của ánh sáng lại trùm khắp trên cõi nước.
- d. Ánh sáng chiếu đến đâu đều thành nhiều thứ trang nghiêm khác nhau.
- e. Hoặc làm thành đài vàng, màn châu, mây hoa, nhạc báu, trùm khắp cả mười phương.

15. Từ đó là v.v... trở xuống là tổng kết các tên gọi của tu quán.

16. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống cho đến nguyện lực của Tỳ-kheo thành tựu là nói về lý do đắc tòa hoa được thành.

17. Từ nếu muốn niệm Đức Phật ấy v.v... trở xuống, cho đến tự thấy mặt mình là nói lại về nghi thức tu quán, thứ lớp trụ tâm như trước, không được lẫn lộn.

18. Từ tướng này thành tựu v.v... trở xuống, cho đến sinh về thế giới Cực lạc là kết thúc về tướng thành tựu của tu quán, có hai lợi ích:

- a. Lợi ích của sự dứt trừ tội lỗi.
- b. Lợi ích được vãng sinh.

19. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến gọi là tà quán tức là phân biệt tướng quán tà chánh, đây là hoa nương đất báu, châu ngọc xen lẫn giữa kẽ lá, trên đài có bốn cột, ánh sáng hiện các Phật sự.

VIII. Nói về quán tượng.

Cũng trước nêu, kế là giải thích và sau là tổng kết. Phần này cũng có mười ba đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến kế nêu tướng Phật là kết thúc phần trước, phát sinh phần sau. Nói vì sao, là một câu hỏi, vì sao phải tướng Phật?

2. Từ Chư Phật Như lai v.v... trở xuống, cho đến trong tâm tướng là nói về lòng Từ bi của Chư Phật, ứng tâm liền hiện. Vì có lợi ích cao quý này nên Đức Phật khuyên mọi người quán tướng.

Hỏi: Vy-đê-hy thưa hỏi, chỉ nguyện sinh về cõi Di-đà, chẳng hay nay nêu chung Chư Phật, là có ý gì?

Đáp: Vì muốn nói lên Chư Phật đồng chứng cả ba thân, quả bi trí viên mãn, bình đẳng không hai. Ngồi kết già ngay thẳng, ảnh hiện vô phương, ý gặp người có duyên, thường đến khắp giới.

Nói pháp giới có ba nghĩa:

- a. Vì tâm trùm khắp nên giải pháp giới.
- b. Vì thân trùm khắp nên giải pháp giới.
- c. Vì vô chướng ngại nên giải pháp giới.

Vì tâm điền đảo, nên thân cũng điền đảo theo, thân phụ thuộc vào tâm, do đó mà gọi là thân pháp giới.

Nói pháp giới là cảnh sở hóa, tức là thế giới chúng sinh.

Nói nhập vào tâm tưởng của chúng sinh là do chúng sinh khởi niệm, nguyện được thấy Chư Phật thì Đức Phật sẽ dùng trí vô ngại để biết. Tức là năng nhập vào tâm tưởng của chúng sinh kia mà hiện. Nhưng nếu các hành giả trong lúc tưởng niệm, hoặc trong lúc nằm mộng, hay trong định mà thấy Phật, thì thành tựu nghĩa này.

3. Từ cho nên các vị v.v... trở xuống, cho đến từ tâm tưởng sinh là kết thúc khuyến khích lợi ích, ở đây nói nếu tâm tưởng Phật, chỉ cần hiểu về Phật, từ đầu đến chân, tâm tưởng niệm không tạm lìa, mỗi chỗ đều phải quán sát không ngừng nghỉ, hoặc tưởng đánh tướng, hoặc tưởng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, cho đến quán tướng tướng bánh xe ngàn căm dưới lòng bàn chân Phật. Lúc thực hành quán tướng thì phải ngồi thẳng trước tượng Phật, tướng tốt của tượng phải đầy đủ, các tướng tốt sẽ ứng hiện rõ ràng, do tâm mình duyên tướng theo từng tướng tốt của Phật, nên mỗi tướng đều ứng hiện, nếu tâm mình không duyên vào đó, thì không thể thấy được các tướng, nếu tự tâm quán tướng thì sẽ ứng hiện ngay trong tự tâm, do đó mà nói tâm tức là ba mươi hai tướng.

Nói tám mươi vẻ đẹp tức là khi tướng tốt của Phật đã hiện thì các vẻ đẹp sẽ ứng hiện theo.

Đoạn này là Đức Như lai dạy các tướng phải quán cho thật đầy đủ.

Nói tâm này làm Phật tức là phải nương vào tín tâm của mình để quán tướng Phật.

Nói tâm này là Phật tâm có khả năng tưởng Phật, nương theo tướng mà thân Phật hiện ra, tức là tâm Phật. Lìa tâm này ra thì không có Phật nào khác.

Nói Chư Phật chánh biến tri là nói Chư Phật là những vị đã đắc trí tuệ vô chướng ngại một cách rất ráo, dầu tác ý hay không tác ý, tâm cũng thường biết khắp pháp giới. Nếu ai tưởng được thì từ tâm tưởng của người ấy Phật sẽ ứng hiện dường như sinh ra.

Hoặc có hành giả, dùng nghĩa của môn này, thực hành quán thân theo Duy thức, hoặc quán Phật tánh thanh tịnh của tự tánh, nếu tác ý

như vậy là rất sai lầm, không hề có chút tương tự.

Nói tướng tượng giả lập ba mươi hai tướng thì lập thân chân như pháp giới làm sao có tướng để duyên, làm sao có thân để nắm lấy? Vì pháp thân vô sắc mắt không thấy được, không thể lấy gì để so sánh, cho nên dùng hư không để ví dụ cho bản thể của pháp thân.

Lại, các quán môn này chỉ có chỉ phương lập tướng, trụ tâm chấp cảnh, mà không hề biết về vô tướng lìa niệm. Đức Phật biết trước các phàm phu tội trước trong đời mạt pháp, dầu cho có lập tướng để trú tâm cũng còn không thể được, hướng chi lìa tướng mà cầu sự, giống như người không có tài năng gì mà muốn xây một ngôi nhà giữa hư không.

4. Từ vì cho nên phải v.v... trở xuống, cho đến Tam-phật-đà, nói về lợi ích như trước, chuyên tâm chú ý thì sẽ thành tựu, xoay vần chỉ bảo nhau, khuyên quán Phật A-di-đà.

5. Từ tướng Đức Phật kia v.v... là lặp lại ở trước để mở ra ở sau.

Nói trước nên tướng tượng là định ra cảnh sở quán.

6. Từ nhắm mắt mở mắt v.v... trở xuống, cho đến như thấy chỉ tay trong lòng bàn tay là nói về tướng thành tựu của tu quán, đoạn này cũng có bốn:

Nói về bốn oai nghi của thân, nhắm mắt hay mở mắt đều thấy một pho tượng vàng, giống như Phật đang ở trước mắt, thường quán tưởng như thế.

Khi đã có thể quán tưởng tượng Đức Phật được rồi, tượng Phật đương nhiên là phải ở trên một cái tòa, tức trước là quán tưởng tòa hoa sen, rồi quán tưởng tượng Phật đang ngồi trên tòa đó.

Khi quán tưởng thấy được tượng Phật ngồi trên tòa xong, thì tâm và mắt liền khai mở.

Khi tâm mắt đã khai mở thì sẽ thấy tượng vàng và những sự trang nghiêm ở thế giới Cực lạc, từ mặt đất cho đến hư không, đều rõ ràng vô ngại.

Lại, pháp quán tưởng trụ tâm cũng giống như trước nói, bắt đầu quán từ trên đánh đầu, rồi lần lượt quán đến toàn thân Phật, như, khuôn mặt, lông mày, mắt mũi, miệng, lỗ tai, cổ họng, vai, bụng, ngón tay.

Lại dùng tâm quán tưởng từ dưới lên như ngực, bụng, rốn, âm bộ, đầu gối, hai chân, mười ngón tay có bánh xe ngàn căm... Mỗi tướng đều quán tưởng, từ trên xuống dưới, gọi là quán thuận, quán từ dưới lên gọi là quán nghịch, thuận nghịch trụ tâm như thế, không bao lâu sẽ được thành tựu.

Lại, thân của Đức Phật và tòa hoa, đất báu v.v... phải quán chung

cả trên lẫn dưới, nhưng trong mười ba pháp quán thì các pháp quán đất báu, hoa báu, tượng vàng v.v... là quan trọng nhất. Nếu muốn truyền dạy lại cho người thì nên dạy về các pháp quán đó, chỉ cần thành tựu được một trong các pháp quán này thì các pháp quán khác tự nhiên sẽ thành tựu.

7. Từ thấy đây v.v... trở xuống là phần tổng kết nói về sự thành tựu của sự tu quán thân tượng, sau đó mới quán tiếp hai vị Bồ-tát.

8. Từ lại nên quán một hoa sen lớn v.v... trở xuống, cho đến ngồi trên tòa hoa bằng đá là nói về sự thành tựu quán ba thân ở trên, sau đó mới quán nhiều thân.

Muốn quán hai vị Bồ-tát này, thì cách quán cũng giống như quán Đức Phật ở trên.

9. Từ khi tưởng này thành v.v... trở xuống, cho đến đầy khắp nước ấy, là nói về sự thành tựu việc quán nhiều thân ở trên, sau đây sẽ nói về pháp tướng.

Nay nói về đi, đứng, ngồi, nằm của các hành giả, thường phải duyên theo tất cả các cây báu của thế giới Cực lạc hoặc lễ niệm, hoặc quán tưởng, thường phải biết như thế.

10. Từ khi tưởng này thành v.v... trở xuống, cho đến nhớ giữ không bỏ là nhờ định mà thấy được sự trang nghiêm của thế giới Cực lạc. Lại được nghe tất cả các việc trang nghiêm, nói về các pháp mầu, đã được nghe và nhìn thấy như thế thì thường phải nắm giữ không được để mất, đó gọi là thủ định tâm.

11. Từ giúp cho hợp với Tu-đa-la v.v... trở xuống, cho đến thấy thế giới Cực lạc là nói về tướng quán tà chánh.

12. Từ đó là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

13. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến đắc tam-muội Niệm Phật là nói về sự khắc niệm tu quán, hiện đời được lợi ích, đây là chúng sinh nghiệp chướng sâu nặng, muốn quán về chân thân Phật thật là khó khăn, do đó Phật rủ lòng thương xót, bảo phải trụ vào tâm hình tượng.

IX. Nói về quán chân thân.

Cũng trước nêu, kế giải thích và sau là tổng kết. Ở đây cũng có mười hai đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến thân tướng sáng chói là dạy bảo kết thành quán tướng ở trước, sinh ra quán chân thân ở sau.

2. Từ A-nan nên biết v.v... trở xuống, cho đến sắc vàng là nói về

sự hiển bày chân thân của Phật, chân thân của Phật vượt hơn cả màu sắc của vàng cõi trời.

3. Từ thân Phật cao sáu mươi v.v... trở xuống cho đến do-tuần là nói về thân lượng lớn nhỏ.

4. Từ giữa hai đầu chân mày v.v... trở xuống cho đến Bồ-tát là thị giả là nói quán chung về thân tướng, đoạn này có sáu ý:

- Nói về kích cỡ sợi lông trắng.
- Nói kích cỡ của mặt Phật.
- Nói ánh sáng lớn nhỏ trong lỗ chân lông.
- Nói kích cỡ của vầng ánh sáng tròn.
- Số lượng hóa Phật.
- Số lượng thị giả.

5. Từ Phật Vô Lượng Thọ v.v... trở xuống, cho đến che chở không bỏ là phần nói về quán riêng thân tướng Phật, ánh sáng làm lợi ích cho người có duyên, đoạn này có năm ý:

- a. Có bao nhiêu tướng tốt.
- b. Có bao nhiêu vẻ đẹp.
- c. Có bao nhiêu ánh sáng.
- d. Ánh sáng chiếu xa gần.
- e. Ánh sáng chiếu đến những chỗ nào và mang lại lợi ích cho những ai?

Hỏi: Tu hành đầy đủ các hạnh nguyện, hồi hướng sẽ được vãng sinh. Thế thì vì sao Đức Phật dùng ánh sáng chiếu khắp chúng sinh nhưng chỉ nhiếp người Niệm Phật? Như thế là có ý gì?

Đáp: Ở đây cũng có ba ý nghĩa:

Về thân duyên tức là chúng sinh khởi hạnh, miệng thường niệm danh hiệu Phật, thì Đức Phật sẽ nghe, thân thường lễ kính Đức Phật, thì Đức Phật sẽ thấy, tâm thường Niệm Phật, thì Đức Phật sẽ biết, chúng sinh nhớ nghĩ đến Phật, thì Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sinh. Ba nghiệp của Phật và chúng sinh không bao giờ rời nhau, đó gọi là “Thân duyên”.

Về cận duyên, chúng sinh nguyện muốn thấy Phật, Phật sẽ ứng niệm thị hiện ngay trước mặt, đó gọi là cận duyên.

Nói về duyên tăng thượng, chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, thì sẽ dứt trừ tội lỗi trong nhiều kiếp, đến lúc qua đời thì sẽ được Đức Phật và các Thánh chúng đến đón rước, các tà nghiệp trôi buột không thể làm chướng ngại, đó gọi là duyên Tăng thượng. Các hạnh khác, tuy cũng gọi là thiện, nhưng nếu so sánh với công hạnh Niệm Phật, thì

hoàn toàn không thể so sánh được. Do đó mà trong bất cứ kinh nào đều cũng khen ngợi về công năng Niệm Phật, như bốn mươi tám lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ nói về chuyên tâm niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà sẽ được vãng sinh. Lại cũng như trong “Kinh Di-đà” nói chỉ chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày cho đến bảy ngày thì sẽ được vãng sinh và vô lượng Chư Phật trong mười phương đã chứng minh lời nói đó không lường dối.

Lại, trong văn định tán của kinh này, chỉ khuyên chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì sẽ được vãng sinh, do đó kinh nói về phương pháp Niệm Phật chẳng phải chỉ có một kinh, tất cả đều nói về phương pháp tam-muội Niệm Phật.

6. Từ tướng tốt sáng rõ ấy v.v... trở xuống là phần tổng kết ít để bày nhiều, người nào muốn quán thường khó có thể hoàn tất.

7. Từ chỉ nên nhớ tướng v.v... trở xuống là nói về cảnh trang nghiêm nhiệm mầu, tuyệt đẹp hơn cảnh của phàm phu chúng ta, tuy hiện tại chưa chứng được nhưng cũng có thể dùng tâm tưởng để nhớ nghĩ, khiến tâm mắt thấy được.

8. Từ thấy việc này rồi v.v... trở xuống, cho đến nhiếp các chúng sinh: là nói về công phu tu tập không mất, do đó mà được thành tựu lợi ích, đoạn này cũng có năm ý:

Nhờ tu quán mà được nhìn thấy Chư Phật trong mười phương.

Nhờ thấy được Chư Phật nên phát tâm Niệm Phật tam-muội.

Chỉ quán một Đức Phật, tức là đã quán tất cả các thân của Chư Phật.

Nhờ thấy được thân Phật nên thấy được tâm Phật.

Tâm của Phật lấy từ bi làm thể, Phật dùng tâm đại từ bình đẳng để nhiếp hóa tất cả chúng sinh.

9. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến được Vô Sinh Nhẫn tức là nói khi xả bỏ thân này thì sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc.

10. Từ cho nên người trí v.v... trở xuống cho đến hiện tiền thọ ký là tổng kết khuyên tu và lợi ích của phương pháp tu quán, đoạn này có năm ý:

Nói về người có khả năng tu quán.

Nói về việc chuyên tâm quán Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Có rất nhiều tướng tốt và không thể quán chung xen lẫn, chỉ quán một tướng sợi lông trắng, thì chỉ thấy được sợi lông trắng, tất cả các tướng khác sẽ tự nhiên hiện ra.

Đã thấy được Đức Phật A-di-đà thì sẽ thấy được Chư Phật trong mười phương.

Đã thấy được Chư Phật, thì ở trong định sẽ được thọ ký.

11. Từ đó là quán khắp v.v... trở xuống là phần tổng kết.

12. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, là nói về tướng tà chánh của quán, hình tướng thật sự thì quá xa, sợi lông trắng như năm ngọn núi, muốn cho toàn bộ các chúng sinh đều quy mạng, thì phải chú tâm tướng niệm không được sót, nương vào bản nguyện rộng lớn của Phật mà được vãng sinh Tịnh độ.

X. Nói về pháp quán Bồ-tát Quán Thế Âm.

Cũng trước nêu, kế giải thích, sau là tổng kết. Phần này có mười lăm đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến Bồ-tát là nói về kết thúc thành tựu quán chân thân ở trên, sau đây là quán Bồ-tát.

2. Từ thân Bồ-tát này cao v.v... trở xuống, cho đến đều hiện trong đó là phần giải thích về thân tướng, cũng có sáu ý:

a. Nói về thân lớn nhỏ.

b. Nói về thân sắc của Bồ-tát không bằng Phật.

c. Nhục kế của Bồ-tát không giống so với nhục kế của Phật.

d. Nói về kích thước của vầng ánh sáng tròn.

e. Nói về số lượng thị giả của các hóa Phật.

f. Nói về ánh sáng của thân chiếu khắp chúng sinh không ở trong năm đường.

3. Từ Tỳ-lăng-già trên đỉnh v.v... trở xuống, cho đến hai mươi lăm do-tuần là nói về hóa thân khác nhau của Đức Phật trong thiên quan.

4. Từ Quán Âm v.v... trở xuống là nói về sự khác nhau của sắc diện và thân sắc.

5. Từ giữa hai đầu chân mày v.v... trở xuống, cho đến màu hoa sen là nói về sự chuyển biến của ánh sáng, ánh sáng chiếu khắp cả mười phương, các hóa thị giả cũng rất nhiều, lại so sánh với màu sen hồng, đoạn này cũng có năm ý:

a. Sợi lông trắng bảy báu.

b. Ánh sáng của sợi lông trắng nhiều ít.

c. Trong ánh sáng có bao nhiêu hóa Phật.

d. Có bao nhiêu thị giả.

e. Các hóa thị giả biến hiện khắp mười phương.

6. Từ có tám mươi ức tia sáng v.v... trở xuống, cho đến trang nghiêm sự là nói về thân mặc y phục bằng ánh sáng như ngọc chứ chẳng

phải bằng các báu.

7. Từ tay làm thành năm trăm ức v.v... trở xuống, cho đến tiếp dẫn chúng sinh là đoạn nói về bàn tay cũng có tác dụng của Từ bi, đoạn này cũng có sáu ý:

- a. Bàn tay tạo thành màu sắc của các thứ hoa sen.
- b. Mỗi đầu ngón tay có tám muôn đường chỉ tay.
- c. Mỗi đường chỉ tay có hơn tám muôn màu sắc.
- d. Mỗi màu sắc đều có hơn tám muôn tia sáng
- e. Thể của ánh sáng mát dịu và chiếu khắp tất cả.

f. Dùng tay có ánh sáng báu này để tiếp dẫn chúng sinh có nhân duyên.

8. Từ lúc giở chân lên v.v... trở xuống, cho đến chỗ nào cũng đầy khắp là chân cũng có tướng đức dụng.

9. Từ các tướng khác của thân v.v... trở xuống là nói ngón tay của Bồ-tát đồng với Phật.

10. Từ chỉ có trên đỉnh v.v... trở xuống, cho đến không bằng Đức Thế tôn ý nói giữa thầy và trò đều có địa vị khác nhau và quả nguyện chưa viên mãn, giúp cho hai tướng còn thiếu, cũng nói lên địa vị vẫn còn chưa đủ.

11. Từ đó là v.v... trở xuống, là phần tổng kết.

12. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống, cho đến nên thực hành quán này là lập lại văn trên để kết thúc và sau là nói về sự lợi ích.

13. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến hướng chi là quán kỹ khuyên tu quán sẽ được lợi ích.

14. Từ nếu có người muốn quán Quan âm v.v... trở xuống, cho đến như nhìn trong lòng bàn tay lại nói về nghi thức thực hành quán, khuyên chúng sinh chú tâm, khiến đều được thắm nhuần hai thứ lợi ích.

15. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống là giải thích về tướng quán tà, chánh. Đây là nguyện sâu xa của ngài Quán Âm, ngài ứng hiện khắp cả mười phương, tay báu sáng soi tùy cơ tiếp dẫn.

XI. Phần này nói về phương pháp quán ngài Thế Chí.

Cũng trước nêu, kế giải thích, sau là tổng kết. Phần này cũng có mười ba đoạn:

1. Từ kế là quán Đại Thế Chí v.v... trở xuống nói chung tên gọi của pháp quán.

2. Từ thân lượng của Bồ-tát này v.v... trở xuống phân biệt về tướng quán, có năm ý:

- a. Thân tướng cũng đồng như ngài Quán Âm.

- b. Sắc thân cũng đồng như ngài Quán Âm.
- c. Tướng mặt cũng đồng như ngài Quán Âm.
- d. Tướng tốt của thân cũng đồng như ngài Quán Âm.
- e. Sợi lông trắng phát ra ánh sáng mát dịu giống như ngài Quán Âm.

3. Từ vầng ánh sáng tròn chiếu xa mỗi phía một trăm hai mươi lăm do-tuần v.v... trở xuống là nói về vầng ánh sáng tròn không giống với ngài Quán Âm, đoạn này cũng có bốn ý:

- a. Nói về độ lớn của vầng ánh sáng.
- b. Ánh sáng chiếu xa gần.
- c. Có bao nhiêu hóa Phật.
- d. Có bao nhiêu hóa thị giả.

4. Từ ánh sáng toàn thân v.v... trở xuống, cho đến danh hiệu Đại Thế Chí là ánh sáng của thân chiếu rất đầy đủ và rất xa, mang lại nhiều ích lợi cho các chúng sinh có nhân duyên, kể cả chúng sinh các phương khác, đoạn này cũng có tám ý:

- a. Nói về ánh sáng của thân đều khác, không giống nhau.
- b. Nói ánh sáng chiếu xa gần.
- c. Nói ánh sáng khi chiếu đến chỗ nào đều có màu vàng tím.
- d. Nói về những người có nhân duyên với ngài Thế Chí từ nhiều kiếp thì sẽ thấy và được ánh sáng đó chiếu vào.
- e. Chỉ thấy ánh sáng ở một lỗ chân lông thì có thể thấy được ánh sáng tịnh diệu trên thân của nhiều Đức Phật, ở đây lấy lợi ích nhỏ để nói lên lợi ích lớn, mục đích là muốn cho người tu tập khởi tâm mong cầu khát ngưỡng, khiến phải nhập quán để chứng ngộ.

f. Dựa vào ánh sáng để đặt tên gọi.

g. Nói về thể dụng của ánh sáng. Ánh sáng lấy vô lậu làm thể, cho nên gọi là ánh sáng trí tuệ. Lại ánh sáng đó có công năng trừ diệt và ngăn chặn cái khổ trong ba đường ác ở khắp mười phương, do đó mà gọi là vô thượng lực, tức là dụng.

h. Nói về danh hiệu Đại Thế Chí, đây là y vào đức để đặt tên.

5. Từ Thiên quan của Bồ-tát này v.v... trở xuống, cho đến đều hiện trong đó là nói về tướng thiên quan trang nghiêm của ngài Thế Chí, không giống với ngài Quán Âm, đoạn này cũng có bốn ý:

- a. Nói có bao nhiêu hoa báu trên thiên quan.
- b. Nói có bao nhiêu đài báu trên mỗi đóa hoa.

c. Nói mỗi đài báu có ánh sáng ánh hiện đến các Tịnh độ của Chư Phật ở khắp mười phương.

d. Các cõi nước ở các phương khác hiện ra, kia đây đều không có thêm hay bớt.

6. Từ nhục kế trên đỉnh v.v... trở xuống, cho đến hiện khắp các Phật sự là nói về tướng bình báu trên nhục kế.

7. Từ các tướng khác trên thân v.v... trở xuống là ngón tay giống như ngài Quan Âm.

8. Từ khi Bồ-tát này đi v.v... trở xuống, cho đến như thế giới Cực lạc ý nói về hạnh nguyện của ngài Thế Chí không giống như hạnh nguyện của Quán Âm, đoạn này cũng có bốn ý:

a. Nói về hạnh không giống nhau.

b. Nói về tướng rung chuyển xa gần.

c. Nói chỗ rung chuyển hoa hiện ra rất nhiều.

d. Hoa hiện ra vừa cao vừa hiển rõ. Có rất nhiều ánh hiện để trang sức, giống như sự trang nghiêm thế giới Cực lạc.

9. Từ khi Bồ-tát này ngồi v.v... trở xuống, cho đến độ chúng sinh khổ: nói về tòa báu không giống với tòa báu của ngài Quan Âm, đoạn này cũng có bảy ý.

a. Nói về tướng ngồi của ngài Thế Chí.

b. Trước là sự rung chuyển ở cõi nước mình.

c. Kế là tướng động các cõi xa gần ở phương khác.

d. Nói về sự diêu động, trên dưới, cõi Phật nhiều ít.

e. Nói về Đức Di-đà, Quán Âm v.v... phân thân và tướng mây lành nhóm họp.

f. Các Ngài ngự trên hư không đầy khắp, đều ngồi trên tòa báu.

g. Các Ngài phân thân nói pháp, mỗi pháp đều ứng hợp với chúng sinh.

Hỏi: Trong kinh Di-đà nói các chúng sinh ở thế giới Cực lạc không có các sự khổ đau, chỉ thọ hưởng những điều vui sướng, do đó mà gọi là Cực lạc. Thế thì vì sao kinh này lại nói đều phân thân nói pháp, để độ chúng sinh khổ. Là có ý gì?

Đáp: Ở đây nói khổ và vui, cũng có hai thứ:

a. Khổ và vui trong ba cõi.

b. Khổ và vui ở cõi Tịnh độ.

Nói khổ vui ba cõi, khổ tức là khổ ba đường, hoặc tám khổ v.v... Lại tức là năm dục của trời, người. Cái vui của buồng lung và trời buộc... tuy nói là vui, nhưng thật ra là khổ lớn, rốt cuộc hoàn toàn không có một niệm vui chân thật nào hết.

Nói khổ vui của Tịnh độ, khổ là ở vào Địa tiền, mong cầu được

Địa thượng là khổ, hoặc Địa thượng mong cầu Địa tiền là vui, Hạ trí chứng mong cầu Thượng trí chứng là khổ. Thượng trí chứng mong cầu Hạ trí chứng là vui, đây chỉ nêu một ví dụ trên là đủ biết.

Nay nói độ chúng sinh khổ là chỉ vì từ địa thấp mong tiến lên địa vị cao là khổ. Chuyển từ hạ chứng để được thượng chứng, để xứng với sở cầu thì gọi là vui, do đó mà gọi là độ khổ. Nếu không như thế thì tất cả các bậc Thánh ở Tịnh độ, đều lấy vô lậu làm thể, tâm đại bi làm dụng, rốt ráo thường trụ, các ngài đã lia sinh tử phần đoạn, như thế thì làm gì còn gọi là khổ ư?

10. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến pháp quán thứ mười một là giải thích về sự tà chánh của pháp quán tổng kết giới hạn.

11. Từ quán Bồ-tát này v.v... trở xuống là phần nói về lợi ích của tu quán, sẽ dứt trừ được tội lỗi trong nhiều kiếp.

12. Từ thực hành quán này v.v... trở xuống, cho đến cõi nước tịnh diệu là tổng kết văn trên, lại sinh lợi ích về sau.

13. Từ quán này thành v.v... trở xuống là lại nói về hai thân, giải thích sự thành tựu của tu quán. Ngài Thế Chí uy đức rất cao, ở các cõi nước khác mà Ngài có khả năng phân thân, nhóm họp nói pháp lợi sinh, khiến chúng sinh dứt hẳn sự sinh ra bằng bào thai, thường đi khắp pháp giới.

XII. Nói về tu quán rộng khắp.

Cũng trước là nêu, kế là giải thích, sau cùng là tổng kết.

Phần này có sáu đoạn:

1. Từ khi thấy việc ấy v.v... trở xuống là nhắc lại phần trước, phát sinh phần sau.

2. Từ nên khởi tự tâm v.v... trở xuống, cho đến đều giảng nói pháp mẫu là nói về ngưng tâm nhập quán, tức là phải quán tưởng tự vắng sinh. Đoạn này có chín ý:

a. Tưởng tự sinh.

b. Tưởng hướng về Tây phương.

c. Tưởng tòa hoa.

d. Tưởng hoa đang còn búp.

f. Tưởng hoa nở.

g. Tưởng ánh sáng báu chiếu đến thân mình.

h. Đã được ánh sáng chiếu, tưởng mở mắt ra.

i. Khi mắt đã mở thì quán tưởng thấy Chư Phật và các vị Bồ-tát.

j. Quán tưởng được nghe pháp.

3. Từ hợp với mười hai bộ kinh v.v... trở xuống, cho đến không

mắt là nói dù định hay tán cũng không bỏ sót, giữ tâm thường nhớ nghĩ: một là quán tâm sáng suốt thanh tịnh; hai là quán các điều ác không phát sinh. Là do trong tâm tương ứng với pháp vui và ngoài thì không bị chướng ngại của ba thứ tà.

4. Từ thấy việc này v.v... trở xuống là nói về ích lợi của sự thành tựu tu quán.

5. Từ đây là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

6. Từ Vô Lượng Thọ v.v... trở xuống, cho đến thường đến chỗ hành giả này, lại nói về người năng quán, tức là mong được đức Di-đà và Thánh chúng dùng ba Thân để che chở, nay chúng sinh chú tâm tưởng niệm, nguyện được thấy cảnh Y báo và Chánh báo trang nghiêm của cõi Cực lạc ở Tây phương, rõ ràng thường như mắt thấy. Trên đây có sáu câu khác nhau giải thích rộng về quán khắp đã xong.

XIII. Nói về tạp tưởng quán.

Cũng trước là nêu, kế giải thích, sau là tổng kết, phần này cũng có mười một đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là nói về dạy bảo, kết thúc khuyên răn, phát sinh ở sau.

2. Từ trước nêu quán thân Phật cao tượng sáu trở xuống là nói Quán tượng để biểu thị cho sự chân thật. Tượng nước là để biểu thị cho mặt đất, như thế là Như lai dạy cho các chúng sinh có được cảnh để dễ chuyên tâm nhập quán, hoặc trên hoa trong ao nước, hoặc ở trong cung báu, gác báu, hoặc ở dưới cây báu, rừng báu, hoặc ở trong các đài báu, điện báu, hoặc ở trong mây báu, long báu giữa hư không, các chỗ như vậy mỗi chỗ đều trụ tâm quán tưởng, đều tưởng hóa Phật, mục đích là để giúp cho căn cơ tương xứng với hoàn cảnh, để sự tu tập dễ thành tựu.

3. Từ như trước đã nói v.v... trở xuống, cho đến tâm lực chẳng thể biết được ý nói về cảnh thì quá rộng lớn mà tâm thì nhỏ hẹp, do đó mà rất khó thành tựu, nên giúp cho Đức Phật thương xót, Ngài chỉ khuyến khích chúng ta quán từng phần nhỏ mà thôi.

4. Từ nhưng Đức Như lai kia v.v... trở xuống, cho đến đều được thành tựu là nói về tâm tư của phàm phu quá nhỏ hẹp, mà Thánh lượng thì quá mênh mông, sự chú tâm quán tưởng của phàm phu không biết dựa vào đâu, sợ khó thành tựu, nay chẳng những việc nhỏ khó thành, huống chi việc lớn, phải nương nhờ hạnh nguyện sâu rộng của Đức Phật Di-đà, để giúp cho muôn người tu tập quán tưởng đều được thành tựu.

5. Từ chỉ tướng tượng Phật v.v... trở xuống, cho đến đầy đủ thân tướng là so sánh sự hiển bày cao quý, quán tướng tượng Phật còn được phước đức vô lượng, hướng chỉ quán ngay vào chân thân Phật, sẽ được công đức nhiều hơn thế.

6. Từ A-di-đà v.v... trở xuống, cho đến tượng sáu tám thước là nói về năng quán và tượng Phật sở quán. Tuy thân tượng có lớn nhỏ nhưng cũng đều là chân, đoạn này cũng có ba ý:

a. Thân thông của Phật A-di-đà là vô ngại, tùy ý biến hiện: Cũng có hai thứ:

Như ý của chúng sinh, nghĩa là tùy theo tâm niệm chúng sinh mà tùy duyên cứu độ.

Như ý của Phật Di-đà là năm thứ mắt viên chiếu, sáu thông tự tại, thường quán các căn cơ có thể độ. Trong một niệm không có trước sau. Thân tâm đều là một, ba luân khai ngộ đều mang lại lợi ích khác nhau.

b. Hoặc hiện thân lớn, hoặc hiện thân nhỏ.

c. Nói về thân lượng tuy có lớn nhỏ, nhưng đều là sắc vàng ròng, đây là để phân định tà chánh.

7. Từ thân hình hiện ra v.v... trở xuống là nói thân tuy có lớn nhỏ khác nhau, nhưng ánh sáng thì không khác với chân.

8. Từ Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... trở xuống là nói đồng với pháp quán trước. Đức Phật lớn thì thị giả cũng lớn. Đức Phật nhỏ thì thị giả cũng nhỏ.

9. Từ chúng sinh chỉ quán tướng đầu v.v... trở xuống là phần khuyên quán hai thứ khác nhau. Hai thứ khác nhau là trên đầu ngài Quán Âm có một đức hóa Phật đang đứng, trên đầu của ngài Thế Chí có một bình báu.

10. Từ hai vị Bồ-tát v.v... trở xuống: là nói về Đức Di-đà, Quán Âm và Thế Chí... kiếp trước đã cùng nhau thệ nguyện rất sâu nặng thề cùng bỏ ác, tu tập đạt đến quả vị Bồ-đề. Ảnh hưởng theo nhau, đi khắp nơi giáo hóa làm lợi ích.

11. Từ đây là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Trên từ quán mặt trời v.v... trở xuống cho đến Quán tạp tướng, là nói về việc Đức Thế tôn đáp câu hỏi thứ tư do Vy-đề-hy thưa hỏi ở trước rằng: “Dạy con tư duy, dạy con chánh thọ.”

Khen ngợi chung rằng:

Trước dạy quán nhật xua tối tăm

Tướng nước thành, băng tịnh nội tâm

*Cột vàng dưới đất soi chiếu nhau
Trang nghiêm trên đất muôn ức lớp.
Mây báu, lọng báu khắp hư không.
Âm nhạc trời, người cùng hòa quyện
Cây báu rữ ngọc, trái xen trong
Ao chảy nước đức rót vào hoa
Lầu báu gác báu đều nối tiếp
Ánh sáng soi nhau không chỗ tối
Ba hoa riêng hồi vượt các tòa
Bốn cột màn lưới châu giăng khắp
Bẩm thức tâm mê vẫn chưa sáng
Trú tâm quán tượng tĩnh tọa kia
Nhất niệm tâm khai thấy chân Phật
Thân quang tướng tốt chuyển càng nhiều
Quán Âm cứu khổ duyên pháp giới
Thường vào trong khắp cõi Ta-bà
Thế Chí uy quang làm rung chuyển
Tùy duyên chiếu nhiếp hội Di-đà.
Trở về đi!
Cực lạc an thân thật là tinh.
Chánh niệm Tây quy tướng trong hoa.
Thấy Phật trang nghiêm, tiếng nói pháp.
Lại có chúng sinh tâm mê hoặc.
Duyên chân thượng cảnh sợ khó thành.
Dù cho Như lai khai tiệm quán.
Ao hoa trượng sáu bằng thân vàng.
Biến hiện linh nghi tuy lớn nhỏ,
Ứng vật thời nghi độ hữu tình.
Khuyên khắp đồng sinh tri thức thấy.
Chuyên tâm Niệm Phật hướng về Tây.*

Lại y cứ vào phần thừa hỏi trước, bắt đầu từ quán một thời v.v...
trở xuống đến quán tòa hoa là nói chung về y báo.

Từ tượng quán v.v... trở xuống cho đến tạp tướng quán là phần
chung nói về chánh báo.

Trên đây có sự khác nhau giữa Chánh báo và Y báo. Nói rộng về
nghĩa môn Định Thiệu đã xong.

